TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN G** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 626/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thành Viên

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Đức - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Đặng Tuyết N; Địa chỉ thường trú: Số X đường Nguyễn T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Số X đường Bình T, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Thái N; Địa chỉ: Số X đường Nguyễn T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2024 và lời khai tại tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhung trình bày:

Bà và ông Hoàng Thái N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, quận G. Vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn từ khi con chung mới hai tuổi, ông N không quan tâm gì đến vợ con, lối sống quan điểm sống không hòa hợp, ông N có những lời lẽ hăm dọa bà trong suốt khoảng thời gian dài. Trong quá trình chung sống mọi tiền bạc, vật dụng trong nhà đều do bà lo hết, chiếc xe máy ông N đang sử dụng là của bà N mua. Năm 2021, thời điểm dịch Covid bùng phát, bà bị bệnh ông N không biết. Tháng 7 năm 2022, bà và con dọn ra ngoài sống là do ông N nói với bà là*"cút đi"*. Từ lúc đó đến

nay ông N không ghé thăm vợ con, không một lời, không một tin nhắn hỏi thăm sức khỏe, hỏi việc học hành của con, không phụ tiền nuôi con, bà dọn ra ngoài không có đem gì trong nhà theo, một mình bà phải tự nuôi con. Ông N có đóng tiền học cho con trung bình mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng từ sau khi lên Tòa ông N không đóng nữa. Sau khi bà nộp đơn ly hôn, ông N có nhắn tin xin lỗi tuy nhiên không giải quyết được mâu thuẫn của vợ chồng, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Từ ngày hòa giải 19/3/2024 tại Tòa án đến nay, ông N cũng không có hành động gì cụ thể để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, chỉ nhắn tin là báo rước con về bên nhà ông N, không hỏi thăm bà câu nào. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn. Nay tình cảm không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hoàng Nguyên K, sinh ngày 11/5/2015, thu nhập của bà cũng ổn định đủ khả năng để nuôi con, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Thái N trình bày:

Ông và bà N tự nguyện đăng ký kết hôn tại tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Mâu thuẫn bà N nêu ra ông không chấp nhận, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, gần đây xảy ra mâu thuẫn, ông yêu thương vợ con mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Bà N cho rằng ông không thương vợ chỉ là lời nói của một phía bà N chẳng qua là do bà N không hiểu được ông. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bên ông Số X đường Nguyễn T, Phường A, quận G nhưng nay ông đã xây một căn nhà riêng, không ở cùng anh chị nữa nên ông mong muốn vợ con quay về. Bà N trình bày năm 2021 bà bị bệnh Covid thì cùng thời điểm đó ba của ông bị bệnh nằm bệnh viện, ông phải chăm ba, còn bà N thì bệnh ở nhà nên ông không thể chăm cả hai người cùng một lúc. Năm 2022 do vợ chồng có tranh cãi nên ông có nói bà N *"cút đi"*. Trong thời gian ly thân, ông có rước con về bên nhà ông, mỗi cuối tuần đều rước về và chăm lo cho con, ông nhắn tin, gọi điện để nói bà N quay về đoàn tụ nhưng bà N không chấp nhận. Ông đã đưa ra các biện pháp để hàn gắn như: nhắn tin xin lỗi bà N, mong bà N quay về nhưng bà N không phản hồi nên khi đến đón con về bên nội ông không có trao đổi, trò chuyện gì với bà N. Do bà N không chịu trải lòng nên ông cũng không làm gì khác được. Ông còn thương vợ, thương con, không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hoàng Nguyên K, sinh ngày 11/5/2015, nếu trường hợp ly hôn ông đồng ý để bà N trực tiếp nuôi con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà N yêu cầu được ly hôn với ông N. Về con chung: Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, đồng ý mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng do ông N đưa ra. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông N không đồng ý ly hôn, ông vẫn còn thương bà N, ông biết tình cảm là phải từ hai phía nhưng cá nhân ông không muốn ly hôn nên ông vẫn giữ ý kiến của mình. Về con chung: Khi ly hôn, ông đồng ý để bà N nuôi dưỡng con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy Nguyên của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà N yêu cầu ly hôn với ông N là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Giao bà N nuôi dưỡng con chung Hoàng Nguyên K. Ông N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận Nguyên:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà N nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông N, ông N có địa chỉ cư trú tại 562 đường Nguyễn Thái Sơn, Phường 5, quận G nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu các đương sự:

[2.1] Căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ việc".*

[2.2] Bà N yêu cầu được ly hôn với ông N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà N và ông N chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 09/5/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 5, quận G cấp nên hôn nhân của bà N và ông N là hôn nhân hợp pháp.

Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 5, quận G có nội dung: *"Qua xác minh những người dân cung cấp bà Nguyễn Đặng Tuyết N và ông Hoàng Thái N chung sống tại địa chỉ X Nguyễn T, Phường 5, quận G, năm 2023 phát sinh mâu thuẫn đã không sống chung, hiện bé Hoàng Nguyên Hoàng đang sống cùng bà N, ông N có đóng tiền học cho con. UBND Phường 5 không tiếp nhận yêu cầu hòa giải nên chưa có thông tin nguyên nhân mâu thuẫn".*

Bà N xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, do ông N không quan tâm gì đến vợ con, lối sống quan điểm sống của vợ chồng không hòa hợp, mọi việc trong nhà chỉ một mình bà phải lo toan, sống chung nhà mà bà bệnh ông N cũng không biết. Từ khi bà N dọn ra riêng, sống ly thân, ông N không ghé thăm, không nhắn tin hỏi thăm sức khỏe, hỏi việc học hành của con, bà N một mình nuôi con, ông N có đóng tiền học cho con ở trường nhung không đều. Sau khi hòa giải tại Tòa án, ông N cũng không có hành động gì cụ thể để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, chỉ nhắn tin là báo rước con, không hỏi thăm gì đến bà N.

Ông N trình bày là thương vợ, thương con, nhưng từ khi bà N dọn đi, ông N không có một sự quan tâm hay chia sẻ nào với bà N. Cụ thể, sau khi hòa giải tại Tòa án cho đến nay, ông N cũng không có biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông có nhắn tin xin lỗi, ngoài ra không có hỏi thăm gì đến bà N.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy vợ chồng sống ly thân, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không tạo điều kiện cho nhau phát triển, hôn nhân bà N, ông N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn với ông N là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 09/5/2014 của Ủy ban nhân dân Phường 5, quận G không còn giá trị pháp lý.

[2.3] Về con chung: Bà N, ông N có 01 con chung tên Hoàng Nguyên K, sinh ngày 11/5/2015.

Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử xét thấy, bà N là người chăm sóc con từ khi sinh ra đến nay, ông N đồng ý giao bà N nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, bà N đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án trên khoản tiền chưa thi hành án.

[2.4] Về tài sản chung: Bà N, ông N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà N chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0013472 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, Điều 94, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Đặng Tuyết N được ly hôn với ông Hoàng Thái N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 09/5/2014 Ủy ban nhân dân Phường 5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Nguyễn Đặng Tuyết N và ông Hoàng Thái N có 01 con chung tên Hoàng Nguyên K, sinh ngày 11/5/2015.

Bà Nguyễn Đặng Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Ông Hoàng Thái N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án trên khoản tiền chưa thi hành án.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Bà N chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0013472 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc